TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ S** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2018/HNGĐ-ST.
Ngày: 19-4-2018
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ S - TỈNH Đ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Đẹp

2. Ông Nguyễn Văn Minh

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố S tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Quốc Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố S, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 364/2017/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2017 về việc "Tranh chấp ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2018/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Lưu Minh T – Sinh năm 1973
Địa chỉ: Đường P, Khóm X, Phường Y, thành phố S, tỉnh Đ.

Bị đơn: Chị Nguyễn Xuân Thu T– Sinh năm 1981
Địa chỉ: Đường P, Khóm X, Phường Y, thành phố S, tỉnh Đ.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn anh Trần Lưu Minh T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị T1 quen biết, tìm hiểu nhau hơn 01 năm thì tiến đến hôn nhân, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn ngày 20/3/2002 tại Ủy ban nhân dân Phường Y, thành phố S. Sau khi cưới, chị T1 về sống chung bên gia đình anh T cho đến nay. Thời gian đầu, cuộc sống vợ chồng vẫn hạnh phúc. Càng về sau, anh T và chị T1 thường xuyên gây gổ, cự cãi với

nhau làm cho cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc như trước. Nguyên nhân chủ yếu là do: anh T và chị T1 bất đồng về chuyện kinh tế, tiền bạc, vợ chồng thiếu tin tưởng lẫn nhau. Chị T1 có tính hay ghen tuông vô cớ, không tôn trọng anh T, nhiều lần làm anh T phải mất mặt với bạn bè. Trong cuộc sống thường ngày, vợ chồng thiếu sự quan tâm, chia sẻ với nhau, tình cảm ngày càng phai nhạt. Hơn một năm nay, anh T và chị T1 đã ly thân, không còn chung sống vợ chồng, anh T đã dọn ra ngoài sống riêng. Nay anh T nhận thấy không còn tình cảm nên không muốn hàn gắn, đoàn tụ tiếp tục chung sống vợ chồng với chị T1. Vì vậy, anh T yêu cầu ly hôn chị T1.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Minh T2, sinh ngày 23/7/2003 và Trần Ngọc Minh Th, sinh ngày 13/11/2007; hiện các con đang sống với chị T1. Khi ly hôn, anh T đồng ý giao 02 con cho chị T1 nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

- Về tài sản chung: Không có.

- Nợ chung: Có nợ anh Nguyễn Xuân Quyền K15.000.000đ, nợ ông Nguyễn Q 90.000.000đ. Trường hợp ly hôn, anh T đồng ý cùng chị T1 chịu trách nhiệm trả nợ.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Nguyễn Xuân Thu T trình bày*:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T1 và anh T quen biết và tìm hiểu nhau hơn 04 tháng thì tiến đến hôn nhân, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn như lời anh T trình bày. Sau khi cưới, chị T1 về sống chung bên gia đình anh T cho đến nay. Từ trước đến nay, chị T1 luôn làm tròn bổn phận của người con dâu, người vợ và làm mẹ, không có thái độ vô lễ với anh T và bên gia đình chồng. Trong cuộc sống vợ chồng, chị T1 và anh T có đôi lúc cũng gây gổ, cự cãi với nhau nhưng rồi bỏ qua mọi chuyện, không có giận nhau lâu. Nguyên nhân vợ chồng gây gổ là do mâu thuẫn về tiền bạc và bất đồng quan điểm trong việc dạy bảo, giáo dục các con. Theo chị T1 thì do anh T có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài nên mới yêu cầu ly hôn chị T1. Hơn 08 tháng nay, vợ chồng đã ly thân, anh T dọn ra bên ngoài sinh sống nhưng vẫn thường xuyên về nhà. Chị T1 xác định vẫn còn tình cảm với anh T nên mong muốn hàn gắn, tiếp tục chung sống sống vợ chồng. Vì vậy, chị T1 không đồng ý ly hôn anh T.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Minh T2, sinh ngày 23/7/2003 và Trần Ngọc Minh Th, sinh ngày 13/11/2007; hiện các con đang sống với chị T1. Trong trường hợp phải ly hôn, chị T1 yêu cầu được nuôi 02 con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Không có.

- Nợ chung: Có nợ anh Nguyễn Xuân Quyền K 15.000.000đ, nợ ông Nguyễn Q 90.000.000đ. Trường hợp ly hôn, anh T đồng ý cùng chị T1 chịu trách nhiệm trả nợ.

* Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 26/3/2018, cháu Trần Minh T2 và Trần Ngọc Minh Th trình bày: Trường hợp anh T và chị T1 ly hôn thì hai cháu T2 và Thcó nguyện vọng là được chung sống với chị T1.

*** Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án như sau:**

- Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Xét thấy giữa vợ chồng anh T và chị T1 có mâu thuẫn nhưng chưa thực sự trầm trọng. Nguyên nhân anh T xin ly hôn là do bất đồng quan điểm sống, vấn đề kinh kế tiền bạc và tính tình chị T1 hay ghen tuông là không có căn cứ chấp nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu xin ly hôn của anh T. Về con chung, tài sản chung không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Xét thấy anh Trần Lưu Minh T và chị Nguyễn Xuân thu T chung sống vợ chồng từ năm 2002, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 20/3/2002 tại Ủy ban nhân dân Phường Y, thành phố S. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị T1 được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân chính mà anh T xin ly hôn chị T1 là do vấn đề kinh tế, tiền bạc, không quan tâm và chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Đồng thời, do tính tình chị T1 hay ghen tuông vô cớ, không tin tưởng, tôn trọng và làm mất mặt anh T với bạn bè nên xin ly hôn chị T1. Về phía chị T1 xác định, từ trước đến nay chị vẫn làm tròn bổn phận trong gia đình, lúc nào chị cũng quan tâm và yêu thương anh T. Việc chị T1 nghi ngờ anh T có tình cảm với người phụ nữ khác một phần là do anh T tự ý ra bên ngoài sinh sống và nghe thông tin từ dư luận bên ngoài. Phía gia đình anh T rất quan tâm nên đã nhiều lần khuyên bảo anh T quay về nhà sinh sống nhưng anh T không đồng ý. Vì còn tình cảm với anh T, nên chị mong mong muốn vợ chồng đoàn tụ tiếp tục chung sống lo cho con cái.

Tại Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

"1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được."

Hội đồng xét xử xét thấy: Việc anh T cho rằng mâu thuẫn chủ yếu của vợ chồng dẫn đến ly hôn là do vấn đề kinh tế, tiền bạc, vợ chồng không tin tưởng,

quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống và do tính tình chị T1 hay ghen tuông vô cớ làm mất mặt anh T là không có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ, hiện nay chị T1 vẫn rất quan tâm đến anh T và vẫn đưa tiền anh T chi tiêu khi cần thiết. Anh T cho rằng chị T1 ghen tuông vô cớ, đến nơi làm ăn của bạn anh T để gây gỗ là không đúng sự thật. Qua xác minh chị H (bạn anh T) thì chị T1 chỉ đến tiệm gặp anh T nói chuyện chứ hai bên không có cự cãi gì. Về phía ông Th1 (cha anh T) cũng cho biết trong quá trình sống chung với gia đình, chị T1 là người con dâu tốt, làm tròn bộn phận người con, người vợ. Việc anh T bỏ nhà ra ngoài sinh sống là do tự ái mọi người trong gia đình. Chứ thực tế mọi người trong gia đình anh T luôn quan tâm yêu thương anh T. Gia đình đã nhiều lần động viên, khuyên nhủ anh T trở về nhà sinh sống nhưng anh T vẫn không quay về; trong khi, bản thân anh T không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập nếu sống bên ngoài thì sẽ càng khó khăn, túng thiếu nhiều hơn.

Quá trình hòa giải tại tòa, chị T1 xác định vẫn còn tình cảm với anh T, mong muốn vợ chồng đoàn tụ chung sống để cùng chăm sóc, nuôi dưỡng con cái. về phía gia đình anh T cũng không mong muốn vợ chồng anh chị ly hôn. Xét thấy, việc bảo vệ mối quan hệ hôn nhân gia đình chính là góp phần làm phát triển xã hội. Nếu chỉ vì những mâu thuẫn nhỏ, chưa thật sự trầm trọng mà dẫn đến ly hôn thì đó là điều chưa thỏa đáng. Vì mục đích để cho anh T có thời gian suy nghĩ và hàn gắn tình cảm vợ chồng nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của anh T về việc yêu cầu ly hôn chị T1.

Do không chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T nên Hội đồng xét xử không xem xét đến các vấn đề con chung, tài sản chung, nợ chung.

[2] Về án phí: Anh Trần Lưu Minh T nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm (về hôn nhân và gia đình) theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

Xử :

Về quan hệ hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu của anh Trần Lưu Minh T về việc yêu cầu ly hôn chị Nguyễn Xuân Thu T.

Về nuôi con chung, quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Anh Trần Lưu Minh T nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (về hôn nhân và gia đình). Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ, anh T đã nộp ngày 08/11/2017 theo biên lai thu số 01217 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc được khấu trừ toàn bộ án phí phải nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Đ;
- Viện Kiểm sát nhân dân Tp. S;
- Chị cục THA dân sự Tp. S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án (H.A).

Nguyễn Thị Thủy